

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **67 /2018/DS-ST**
Ngày: 26/12/2018
V/v T/C Hợp đồng góp hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Sơn**

2/ Bà **Lưu Thị Tám**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Chánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Dũng** – Kiểm sát viên

Trong ngày 26/12/2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2018/TLST - DS về việc: “Tranh chấp Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐXXST- DS ngày 08/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2018/QĐST- DS, ngày 10/12/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Quách Bích T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Ông **Lữ Văn U**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị N trình bày:

Bà là tổ trưởng góp vốn xoay vòng (gọi là hội) có nhiều người tham gia, trong đó vợ chồng bà T và ông U có tham gia 03 dây hội (07 chung). Sau khi hốt hội bà T và ông U không đóng lại phần hội chết của bà T và ông U, cụ thể như sau:

- Dây 1: Hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 30/4/2016, hội mãn ngày 30/3/2018, có 25 người tham gia, bà T và ông U tham gia 02 chung:

+ Chung 1: Bà T và ông U đóng hội sống được 04 lần số tiền 1.335.000 đồng, Lần khai thứ 05 ngày 30/8/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 170.000 đồng, hốt được số tiền 8.400.000 đồng.

+ Chung 2: Bà T và ông U đóng hội sống được 08 lần số tiền 2.605.000 đồng, Lần khai thứ 09 ngày 30/12/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 205.000 đồng, hốt được số tiền 8.520.000 đồng.

Từ ngày 30/02/2018 đến ngày 30/3/2018, bà T và ông U không đóng hội chết 02 lần x 02 chung = 2.000.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hội viên khác thay cho bà T và ông U.

- Dây 2: Hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 25/8/2016, hội mãn ngày 25/6/2018, có 24 người tham gia, ông U và bà T tham gia 04 chung:

+ Chung 1 và 2: Bà T và ông U đóng hội sống được 02 lần x 02 chung số tiền 1.328.000 đồng, Lần khai thứ 03 ngày 25/10/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 210.000 đồng, hốt hết hai chung được số tiền 14.200.000 đồng.

+ Chung 3 và 4: Bà T và ông U đóng hội sống được 06 lần x 02 chung số tiền 1.829.000 đồng, Lần khai thứ 07 ngày 25/02/2017 bà T và ông U ra thăm với số tiền 210.000 đồng, hốt hết hai chung được số tiền 16.310.000 đồng.

Từ ngày 25/02/2018 đến ngày 25/6/2018, bà T và ông U không đóng hội chết 05 lần x 04 chung = 10.000.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hội viên khác thay cho bà T và ông U.

- Dây 3: Hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 15/6/2017, hội mãn ngày 15/7/2019, có 26 người tham gia, bà T và ông U tham gia 01 chung: đóng hội sống được 01 lần số tiền 350.000 đồng, lần khai thứ 02 ngày 15/7/2017 bà T và ông U ra thăm 195.000 đồng, hốt được số tiền là 7.620.000 đồng.

Từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/8/2018, bà T và ông U không đóng hội chết 07 lần = 3.500.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hội viên khác thay cho bà T và ông U.

Tổng số tiền 03 dây hụi (07 chung) bà T và ông U thiếu bà N số tiền là: 15.500.000 đồng.

Nay bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy khai ngày 02/11/2018 bà N khai:

- Dây 1: Hụi tháng 500.000 đồng, ghi khai ngày 30/4/2016, nhưng mở ngày 01/5/2016 (nhằm ngày 05/6/2016 dl) hụi ghi mẫn ngày 30/3/2018, nhưng mẫn ngày 01/4/2016 (nhằm ngày 15/5/2018 dl) có 25 người tham gia, bà T và ông U tham gia 02 chung:

+ Chung 1: Bà T và ông U đóng hụi sống được 04 lần số tiền 1.335.000 đồng, Lần khai thứ 05 ngày 30/8/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 170.000 đồng, hốt được số tiền 8.400.000 đồng.

+ Chung 2: Bà T và ông U đóng hụi sống được 08 lần số tiền 2.605.000 đồng, Lần khai thứ 09 ngày 30/12/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 205.000 đồng, hốt được số tiền 8.520.000 đồng.

Từ ngày 30/02/2018 đến ngày 30/3/2018, bà T và ông U không đóng hụi chết 02 lần x 02 chung = 2.000.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hụi viên khác thay cho bà T và ông U.

- Dây 3: Hụi tháng 500.000 đồng, khai ngày 15/6/2017, nhưng đơn khởi kiện lần trước để nhằm ngày 15/8/2017, hụi mẫn ngày 15/7/2019, có 26 người tham gia, bà T và ông U tham gia 01 chung: đóng hụi sống được 01 lần số tiền 350.000 đồng, lần khai thứ 02 ngày 15/7/2017 bà T và ông U ra thăm 195.000 đồng, hốt được số tiền là 7.620.000 đồng.

Từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/01/2018 bà T ông U không đóng hụi chết nên bà kiện đến Tòa án thì bà T, ông U thừa nhận còn nợ bà 05 lần hụi chết = 2.500.000 đồng và hứa trả vào ngày 15/6/2018 tại Chi cục thi hành án.

Từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/8/2018, bà T và ông U không đóng hụi chết 07 lần = 3.500.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hụi viên khác thay cho bà T và ông U.

Đối với bị đơn bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà T và ông U không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của bà T và ông U.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Các bị đơn đều vắng mặt, chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy các dây hui mà bà N khởi kiện ông U và bà T, các dây hui này bà N đã khởi kiện đến Tòa án 01 lần vào ngày 02/5/2018 bà T và ông U đều thừa nhận có nợ bà N các dây hui như bà N đã khởi kiện và chấp nhận trả nợ cho bà N tính đến 30/01/2018 là 25.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà T và ông U trả tiếp các dây hui đã tham gia là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Do bị đơn bà T và ông U không tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy được lời khai và làm rõ vụ kiện, vì vậy bà N yêu cầu bà T và ông U trả 15.500.000 đồng tiền hui là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường, chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn 15.500.000 đồng tiền hui.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Thị N là tổ trưởng góp vốn xoay vòng (gọi là hội), bà T và ông U hốt hội xong không đóng lại hội chết cho bà N, bà N phải đóng hội thay cho bà T và ông U, cụ thể:

- Dây 1: Hội tháng 500.000 đồng, ghi khai ngày 30/4/2016, nhưng mở ngày 01/5 (vì tháng 4 âm không có ngày 30) hội mãi ngày 30/3/2018, có 25 người tham gia, bà T và ông U tham gia 02 chung:

+ Chung 1: Bà T và ông U đóng hội sống được 04 lần số tiền 1.335.000 đồng, Lần khai thứ 05 ngày 30/8/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 170.000 đồng, hốt được số tiền 8.400.000 đồng.

+ Chung 2: Bà T và ông U đóng hội sống được 08 lần số tiền 2.605.000 đồng, Lần khai thứ 09 ngày 30/12/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 205.000 đồng, hốt được số tiền 8.520.000 đồng.

Từ ngày 30/02/2018 đến ngày 30/3/2018, bà T và ông U không đóng hội chết 02 lần x 02 chung = 2.000.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hội viên khác thay cho bà T và ông U.

- Dây 2: Hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 25/8/2016, hội mãi ngày 25/6/2018, có 24 người tham gia, bà T và ông U tham gia 04 chung:

+ Chung 1 và 2: Bà T và ông U đóng hội sống được 02 lần x 02 chung số tiền 1.328.000 đồng, Lần khai thứ 03 ngày 25/10/2016 bà T và ông U ra thăm với số tiền 210.000 đồng, hốt hết hai chung được số tiền 14.200.000 đồng.

+ Chung 3 và 4: Bà T và ông U đóng hội sống được 06 lần x 02 chung số tiền 1.829.000 đồng, Lần khai thứ 07 ngày 25/02/2017 bà T và ông U ra thăm với số tiền 210.000 đồng, hốt hết hai chung được số tiền 16.310.000 đồng.

Từ ngày 25/02/2018 đến ngày 25/6/2018, bà T và ông U không đóng hội chết 05 lần x 04 chung = 10.000.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hội viên khác thay cho bà T và ông U.

- Dây 3: Hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 15/6/2017, hội mãi ngày 15/7/2019, có 26 người tham gia, bà T và ông U tham gia 01 chung: đóng hội sống được 01 lần số tiền 350.000 đồng, lần khai thứ 02 ngày 15/7/2017 bà T và ông U ra thăm 195.000 đồng, hốt được số tiền là 7.620.000 đồng.

Từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/8/2018, bà T và ông U không đóng hội chết 07 lần = 3.500.000 đồng. Bà N phải bỏ ra số tiền nêu trên để đóng cho các hội viên khác thay cho bà T và ông U.

Tổng số tiền 03 dây hụi (07 chung) bà T và ông U thiếu bà N số tiền là: 15.500.000 đồng.

Nay bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Đối với bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U, Tòa án không thu thập được lời khai do bà T và ông U không tham gia tố tụng, mặc dù Tòa án đã niêm yết thủ tục tố tụng tại nhà bà T và ông U nhiều lần, bà T và ông U sau khi thiếu nợ đã bỏ địa phương đi làm thuê không để lại địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ còn thiếu nhiều người tại địa phương (qua kết quả xác minh Trưởng ban nhân dân ấp Lung Đen, xã Kế An).

Qua yêu cầu khởi kiện của bà N thì vợ chồng bà T và ông U tham gia hụi của bà N, bà T và ông U có thừa nhận ông bà có tham gia hụi do bà N làm chủ hụi, đồng thời bà N khởi kiện ông bà cũng thừa còn nợ số hụi chết đến tháng 01/2018, từ tháng 02/2018 cho đến tháng 8/2018 vì chưa đến hạn đóng hụi chết, nên bà N chưa khởi kiện, đến ngày 10/10/2018 bà N khởi kiện để yêu cầu bà T và ông U cùng trả nợ hụi còn thiếu là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ do bà N cung cấp và Tòa án đã thu thập, vì vậy yêu cầu của bà N là có căn cứ cần được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự, áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, buộc bà T và ông U có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi là 15.500.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N, buộc ông Lữ Văn U và bà Quách Bích T trả cho bà N 15.500.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Ông bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(15.500.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 775.000 \text{ đồng}$.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường của Chính phủ.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;
- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U trả tiền nợ hội là 15.500.000 đồng. Buộc bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ hội còn thiếu là 15.500.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U còn phải trả lãi cho bà Trần Thị N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 775.000 đồng, bà Quách Bích T và ông Lữ Văn U phải liên đới chịu là 775.000 đồng.

Bà Trần Thị N thuộc diện người cao tuổi nên không có nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng
- VKSND -THADS cùng cấp
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

Trịnh Lệ Thúy